TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 2 - ĐÀ NẴNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 473/2026/QĐST-HNGĐ	*Đà Nẵng, ngày 12 tháng 9 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 - ĐÀ NẴNG

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213 và Điều 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 51, Điều 55, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 492/2026/TLST- HNGĐ ngày 28 tháng 8 năm 2026 về việc *"Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn*", gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc hôn nhân và gia đình:

- Ông Ngô Đình C, sinh năm 1984; CCCD số 048084007861, do Bộ C1 cấp ngày 01/8/2024; địa chỉ: Số E đường H, phường A, thành phố Đà Nẵng.

- Bà Mai Thị Mỹ H, sinh năm 1992; CCCD số 049192004140, cấp ngày 15/8/2021; nơi cấp: Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội - Bộ C1; hộ khẩu thường trú: Thôn B, xã V, thành phố Đà Nẵng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Theo đơn yêu cầu giải quyết việc hôn nhân và gia đình đề ngày 18/8/2026 và tại phiên hòa giải ngày 04/9/2026 của người yêu cầu ông Ngô Đình C và bà Mai Thị Mỹ H yêu cầu Tòa án công nhận việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận như sau:

[1] Về quan hệ hôn nhân*:* Ông Ngô Đình C và bà Mai Thị Mỹ H tự nguyện kết hôn vào ngày 28/12/2023, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường A, quận S, thành phố Đà Nẵng (nay là phường A, thành phố Đà Nẵng). Do đó hôn nhân của ông, bà là hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Các bên thừa nhận quá trình chung sống mâu thuẫn vợ chồng đã quá trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên không đồng ý đoàn tụ và thống nhất ly hôn.

[2] Về con chung*:* Ông Ngô Đình C và bà Mai Thị Mỹ H không có con chung.

[3] Về tài sản chung: Ngô Đình C và bà Mai Thị Mỹ H không có tài sản

chung.

[4] Về nợ chung: Ông Ngô Đình C và bà Mai Thị Mỹ H không có nợ chung.

[5] Lệ phí giải quyết việc hôn nhân gia đình sơ thẩm: 300.000 *(ba trăm nghìn)* đồng, ông Ngô Đình C và bà Mai Thị Mỹ H tự nguyện chịu.

Xét thấy việc thỏa thuận của các đương sự là hoàn toàn tự nguyện, không trái quy định của pháp luật, không trái đạo đức xã hội, nên chấp nhận.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa ông Ngô Đình C và bà Mai Thị Mỹ H.

- Về con chung*:* Ông Ngô Đình C và bà Mai Thị Mỹ H không có con chung.

- Về tài sản chung và nợ chung*:* Ông Ngô Đình C và bà Mai Thị Mỹ H không có tài sản chung và nợ chung

2. Lệ phí giải quyết việc hôn nhân gia đình sơ thẩm: 300.000 *(ba trăm nghìn)* đồng, ông Ngô Đình C và bà Mai Thị Mỹ H tự nguyện chịu, được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí 300.000 *(ba trăm nghìn)* đồng đã nộp theo biên lai thu số 0001987 ngày 28 tháng 8 năm 2026 của Thi hành án dân sự thành phố Đà Nẵng.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND thành phố Đà Nẵng;
- VKSND khu vực 2 - Đà Nẵng;
- Phòng THA dân sự khu vực 2 - Đà Nẵng;
- UBND phường An Hải, Đà Nẵng;
- Người yêu cầu;
- Lưu hồ sơ việc dân sự;
- Lưu án văn.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Thúy Vân